TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04a/2020/DS-ST
Ngày: 20/01/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và ông Hoàng Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị B, sinh năm 1974, trú tại: Tổ 04, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019), trú tại: Tổ 02, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1990, trú tại: Tổ 02, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị B, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:* Vì có mối quan hệ quen biết nên ngày 15/8/2018 bà

Nguyễn Thị Kim N có vay của bà Phan Thị B số tiền 10.000.000 đồng; tiếp đến ngày 20/8/2018, bà N vay số tiền 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/8/2018 sẽ thanh toán; ngày 01/02/2019, bà N vay số tiền 40.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01/3/2019 sẽ thanh toán; ngày 01/3/2019 bà N vay thêm số tiền 54.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/6/2019 sẽ thanh toán. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho tất cả những khoản vay trên là 2%/tháng. Tuy nhiên đến hạn nhưng bà N không thanh toán số nợ trên và lãi suất cho bà B nên bà B làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán cho bà B số tiền 114.000.000 đồng tiền gốc và 20.990.000 đồng tiền lãi, lãi suất 1,5%/tháng. Tổng cộng là 134.990.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

- *Theo lời khai của bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim N trong quá trình tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Kim N thừa nhận có vay của bà Phan Thị B với 03 lần vay tiền với tổng số tiền 74.000.000 đồng. Nhưng bà N đã trả cho bà B với ba lần vay ngày 15/8/20018, 20/8/2018 và ngày 01/3/2019 với số tiền 74.000.000 đồng. Đối với số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 01/02/2019 không phải là tiền vay mà đó là tiền lãi đối với số tiền bà B cho bà N vay để đáo hạn Ngân hàng, sau đó bà B yêu cầu bà N ký vào giấy vay tiền, trên thực tế thì bà N không nhận 40.000.000 đồng từ bà B. Vì vậy, bà N không còn nợ tiền bà B nên bà N không chấp nhận yêu cầu của bà B. Về chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ bà N không có.

Tại phiên tòa ngày 18/11/2019, bà N cho rằng đối với giấy vay ngày 01/02/2019 bà B ép bà N ký vào giấy vay tiền có bà Nguyễn Thị Th là người làm chứng, trên thực tế không nhận số tiền này.

- *Theo lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Th có trong hồ sơ vụ án:* Bà Th cho rằng không chứng kiến việc vay tiền giữa bà N và bà B vào ngày 01/02/2019. Ngày 01/02/2019 tại nhà bà Phan Thị B thì bà N và bà B có cãi nhau về việc vay tiền, nhưng không có việc bà B nhốt bà N lại và ép bà N viết giấy vay tiền.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho bà B số tiền 114.000.000 đồng tiền gốc và 20.990.000 đồng tiền lãi, lãi suất 1,5%/tháng, lãi suất tính đến ngày xét xử ngày 20/01/2020. Tổng cộng là 134.990.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 436, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sư năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị B, buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho bà Phan Thị B số tiền 114.000.000 đồng tiền gốc và 20.990.000 đồng tiền lãi, lãi suất 1,5%/tháng, lãi suất tính đến ngày xét xử ngày 20/01/2020. Tổng cộng là 134.990.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Phan Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải trả số tiền vay ngày 15/8/2018; 20/8/2018; 01/02/2019 và ngày 01/3/2019, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Số tiền vay ngày 15/8/2018, ngày 20/8/2018, thời hạn trả nợ là 25/8/2018; số tiền vay ngày 01/02/2019, thời hạn trả là ngày 01/3/2019; số tiền vay ngày 01/3/2019, thời hạn trả là ngày 30/6/2019. Ngày 27/6/2019 bà Phan Thị B làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim N có địa chỉ tại tổ 02, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bà Phan Thị B là nguyên đơn trong vụ án, nhưng bà B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là đúng theo quy đinh tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà Phan Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán số tiền gốc đã vay là 114.000.000 đồng theo giấy viết tay các ngày 15/8/2018; 20/8/2018; 01/02/2019 và ngày 01/3/2019. Ngoài ra, bà Phan Thị B còn yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải trả thêm 20.990.000 đồng tiền lãi, lãi suất yêu cầu là 1,5%/tháng.

[2.2] Xét lời khai của bà Nguyễn Thị Kim N. Bà N cho rằng, đối với các khoản vay ngày 15/8/2018 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 20/8/2018 số tiền 10.000.000 đồng và số tiền ngày 01/3/2019 số tiền 54.000.000 đồng thì bà N thừa nhận có vay nhưng đã thanh toán cho bà B đủ số tiền trên. Tuy nhiên, bà N không có căn cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản vay 40.000.000 đồng ngày 01/02/2019 bà N cho rằng đây là số tiền lãi của một khoản vay khác mà bà N đã nhờ bà B vay. Ngoài ra bà N còn cho rằng, bà B đã ép bà N ký vào giấy vay tiền có bà Nguyễn Thị Th làm chứng và yêu cầu Tòa án triệu tập bà Th làm việc. Tuy nhiên, qua làm việc với bà Th thì bà Th không chứng kiến việc bà B cho bà N vay tiền và không có sự việc bà B ép bà N ký vào giấy vay tiền. Đối chiếu với chứng cứ bà B cung cấp là giấy mượn tiền ngày 01/02/2019 thể hiện số tiền trên bà N vay để đầu tư rẫy. Vì vậy lời khai của bà N không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho bà B số tiền 114.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

Đối với 20.990.000 đồng tiền lãi phía nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi trên không vượt quá quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N

phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 6.749.500 đồng. Trả lại cho bà Phan Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.045.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 của của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản": Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho bà Phan Thị B số tiền 134.990.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng) tiền gốc và 20.990.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Phan Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kim N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Nguyễn Thị Kim N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 6.749.500 đồng (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phan Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.045.000 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai Th tiền số 0002204, ngày 02/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu